

Vietnam Hippo 4

No	Cand no	Name & surname	School	Country	R	U	L	Total
1	1017429	NGUYEN THI HONG THU	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	34	30	22	86
2	1017337	NGUYEN HOANG BAO AN	VNU-HCM HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	34	28,5	22	84,5
3	1017605	PHAM MINH KHUE	TRAN DAI NGHIA HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	34	28,5	22	84,5
4	1018214	NGUYEN THUC ANH	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	32	30	22	84
5	1017058	DAO KHANH CHI	LE QUY DON HIGH SCHOOL	Vietnam	33	28,5	22	83,5
6	1019020	NGUYEN TRAN THAO QUYNH	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	33	28,5	22	83,5
7	1018213	HO PHU ANH	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	34	27	22	83
8	1019014	BUI NGUYEN MINH CHAU	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	34	27	22	83
9	1017335	DO SONG THU	VNU-HCM HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	34	27	21	82
10	1017650	TRAN TRAM ANH	HIGH SCHOOL FOR GIFTED STUDENTS IN SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES	Vietnam	33	27	22	82
11	1018654	VO TRAN SONG THU	THAI BINH DUONG PRIMARY, SECONDARY AND HIGH	Vietnam	33	27	22	82
12	1019023	DANG KY DUYEN	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	33	27	22	82
13	1018459	PHAN SY DUY	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	34	25,5	22	81,5
14	1019016	TRAN BAO NHAT MINH	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	34	25,5	22	81,5
15	1016702	NGUYEN VIET HAI	NEWTON PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	33	27	21	81
16	1017333	TRAN ANH NGAN	ISHCMC AMERICAN ACADEMY	Vietnam	34	27	20	81
17	1018469	NGUYEN DOAN BAO THY	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	33	27	21	81
18	1018959	LE NGOC GIA HAN	NGUYEN TRI PHUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	27	21	81
19	1019017	TRAN NGOC MINH TRANG	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	32	27	22	81
20	1016753	LE HAI DANG	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	30	28,5	22	80,5
21	1017044	NGUYEN HUONG LAN	NEWTON HIGH SCHOOL	Vietnam	33	25,5	22	80,5
22	1017328	VO ANH THU	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	34	25,5	21	80,5
23	1018217	NGUYEN DAC NAM ANH	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	34	25,5	21	80,5
24	1018468	NGUYEN BAO LINH	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	33	25,5	22	80,5
25	1018628	DINH HIEN ANH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	28,5	22	80,5
26	1019080	PHAM THIEN AN	VIET NAM-ANGIERI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	24	22	80

27	1016606	NGUYEN TRAN UYEN THI	QUOC HOC-HUE HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	33	25,5	21	79,5
28	1017464	DO NGUYEN BINH AN	TRAN DAI NGHIA HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	30	28,5	21	79,5
29	1018632	NGUYEN HOANG NAM PHAN	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	25,5	22	79,5
30	1018653	NGUYEN TAM BINH	THAI BINH DUONG PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	32	25,5	22	79,5
31	1018960	CHE NGUYEN NGOC HIEN	NGUYEN TRI PHUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	28,5	21	79,5
32	1019018	TRAN NGOC TAM NHU	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	33	25,5	21	79,5
33	1019022	VO BAO TRAN	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	33	25,5	21	79,5
34	1016492	DO NGUYEN KHOA	VIETNAMESE AMERICAN SCHOOL SYSTEM	Vietnam	31	27	21	79
35	1016557	VU NGAN HA	KIM LIEN HIGH SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
36	1016800	DINH VU TIEN THANH	NEWTON HIGH SCHOOL	Vietnam	34	24	21	79
37	1016912	BUI HA PHUONG	CHU VAN AN HIGH SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
38	1017957	BUI THU GIANG	THITRAN TRAU QUY SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
39	1018455	NGUYEN GIA NAM	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	30	27	22	79
40	1019171	NGUYEN DUY HAI PHONG	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	27	21	79
41	1016487	NGUYEN CONG VINH	DOAN THI DIEM HIGH SCHOOL	Vietnam	31	25,5	22	78,5
42	1017313	NGUYEN DUC TRUNG	NGUYEN GIA THIEU HIGH SCHOOL	Vietnam	31	25,5	22	78,5
43	1018631	NGUYEN KHAC THANH TRUNG	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	22,5	22	78,5
44	1019015	TRAN DANG TRI	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	31	25,5	22	78,5
45	1018958	NGUYEN LE MINH KHUE	NGUYEN TRI PHUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	22	78
46	1016799	NGUYEN PHAM HUYEN TRAM	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	31	25,5	21	77,5
47	1017214	NGUYEN HOANG NGOC PHUNG	NGUYEN THI MINH KHAI HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	33	22,5	22	77,5
48	1017217	NGUYEN THANH HAI	PHAN DINH PHUNG HIGH SCHOOL	Vietnam	30	25,5	22	77,5
49	1017358	PHAM VAN ANH	LE HONG PHONG HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	34	22,5	21	77,5
50	1017370	AU TAN KHANG	HUYNH MAN DAT HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	33	22,5	22	77,5
51	1017387	NGUYEN HUYNH THINH	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	33	22,5	22	77,5
52	1019019	CAO THUY DUONG	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	30	25,5	22	77,5
53	1019021	TRAN KHANH HUNG	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	31	25,5	21	77,5
54	1019302	TA DUY HUNG	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	33	22,5	22	77,5
55	1016696	NGUYEN SON HAI ANH	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	34	21	22	77

56	1016807	NGUYEN HONG NHUNG	NGUYEN GIA THIEU HIGH SCHOOL	Vietnam	29	27	21	77
57	1016914	LE PHAM GIA HAN	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	21	77
58	1019095	PHAM DUY HIEU ANH	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	21	77
59	1017299	NGUYEN MINH THU	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	25,5	22	76,5
60	1017475	NGUYEN HAI YEN	HIGH SCHOOL FOR GIFTED STUDENTS IN SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES	Vietnam	32	22,5	22	76,5
61	1017633	NGUYEN CHI LAN	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	25,5	20	76,5
62	1018873	LE MINH NGOC	WESTERN HANOI SCHOOL	Vietnam	32	22,5	22	76,5
63	1019310	TRAN TRAM ANH	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	32	22,5	22	76,5
64	1016525	NGUYEN QUANG ANH	DONG DO HIGH SCHOOL	Vietnam	31	24	21	76
65	1016560	HOANG MINH	CHU VAN AN HIGH SCHOOL	Vietnam	33	21	22	76
66	1017036	QUACH DIEU LINH	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	21	21	76
67	1017349	NGUYEN PHAN SON ANH	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	25,5	21	75,5
68	1018215	HOANG VU LINH DAN	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	31	22,5	22	75,5
69	1018952	LE BA HUNG	NGUYEN TRI PHUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	22,5	21	75,5
70	1018295	NHAM THANH PHONG	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	21	22	75
71	1018216	TRAN MAI CHI	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	30	22,5	22	74,5
72	1019009	TRAN THIEN NHAN	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	28	25,5	21	74,5
73	1017286	NGUYEN QUOC AN	HIGH SCHOOL OF EDUCATION SCIENCE	Vietnam	34	18	22	74
74	1017661	BUI ANH KHOA	TRUNG VAN HIGH SCHOOL	Vietnam	28	24	22	74
75	1016695	TRAN PHUONG ANH	NEWTON HIGH SCHOOL	Vietnam	29	25,5	19	73,5
76	1016701	TRAN MINH NGOC	LE QUY DON HIGH SCHOOL - DONG DA	Vietnam	32	22,5	19	73,5
77	1017481	NGUYEN THI NGOC NHIEU	NGUYEN QUANG DIEU HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	32	19,5	22	73,5
78	1018300	VU GIA BAO	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	22,5	21	73,5
79	1018996	NGUYEN THI PHUONG MAI	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	30	22,5	21	73,5
80	1016471	DO GIA LINH	CHU VAN AN HIGH SCHOOL	Vietnam	34	18	21	73
81	1017376	DO PHUONG HUYEN	YEN HOA HIGH SCHOOL	Vietnam	26	27	20	73
82	1053193	NGUYEN TRAM ANH	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	18	22	73
83	1018454	DANG THAI DUY	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	34	16,5	22	72,5
84	1028889	LE NGUYEN PHUONG ANH	CO BI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	19,5	21	72,5
85	1016904	LE NGUYEN ANH THU	HA NOI-AMSTERDAM HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	32	18	22	72

86	1018218	NGUYEN QUYNH TRANG	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	26	25,5	20	71,5
87	1018993	BUI THI THUY THANH	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	31	19,5	21	71,5
88	1039657	NGUYEN NGOC KHANH LINH	VNU-HCM HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	32	18	21	71
89	1018630	PHAM HA ANH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	16,5	22	70,5
90	1016607	LUONG NGUYEN QUYNH ANH	HA NOI-AMSTERDAM HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	33	15	22	70
91	1016676	LE BAO NGOC	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	23	25,5	21	69,5
92	1017184	CAO TUNG DUONG	YEN LANG HIGH SCHOOL	Vietnam	25	25,5	19	69,5
93	1018302	DANG PHAM NHAT MY	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	26	22,5	21	69,5
94	1017192	KIEU THU CHANG	YEN LANG HIGH SCHOOL	Vietnam	26	25,5	17	68,5
95	1016472	LE HUYNH MINH KHUE	DUY TAN SECONDARY SCHOOL - VUNG TAU	Vietnam	31	15	22	68
96	1018627	NGUYEN VU NHAT LINH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	12	22	68
97	1019693	LE TRINH HOANG AN	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	28	18	22	68
98	1029117	HA THIEM NGOC MINH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	23	27	18	68
99	1016660	DOAN KHANH LINH	KIEN THUY HIGH SCHOOL	Vietnam	26	22,5	18	66,5
100	1019305	VO VUONG TUE NHU	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	24	22,5	20	66,5
101	1019698	PHAM AN KHANH	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	26	22,5	18	66,5
102	1016861	PHAM MINH DUC	NGHIA TAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	15	21	66
103	1018298	TRAN THAO LINH	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	20	27	19	66
104	1018301	DUONG DUC HUY	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	21	24	21	66
105	1019003	NGUYEN THE HIEN	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	24	22,5	19	65,5
106	1019300	NGUYEN THI MINH THU	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	23	24	18	65
107	1016716	DO BAO HANG	NEWTON HIGH SCHOOL	Vietnam	23	25,5	16	64,5
108	1019206	HOANG NGUYEN GIAP	TRAN PHU HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	30	16,5	18	64,5
109	1019013	NGUYEN TAT HAI	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	19	30	15	64
110	1019298	NGUYEN HUY HOANG	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	28	21	15	64
111	1017303	NGUYEN THI THU TRANG	LUONG VAN CHANH HIGH SCHOOL FOR THE GIFTED	Vietnam	29	13,5	21	63,5
112	1018999	NGUYEN VAN ANH	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	23	18	22	63
113	1016964	VU THI THU NGA	LY THAI TO HIGH SCHOOL	Vietnam	30	13,5	18	61,5
114	1018998	PHAM DUY HOANG ANH	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	21	19,5	21	61,5
115	1019005	NGUYEN SINH AN	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	25	16,5	20	61,5
116	1018293	LE NGOC ANH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	21	21	19	61

117	1018294	DANG THANH MAI	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	24	24	13	61
118	1018307	PHAM KIEU MINH THU	THANH XUAN NAM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	22	22,5	16	60,5
119	1019666	NGUYEN QUOC HAO	LY THAI TO HIGH SCHOOL	Vietnam	27	16,5	17	60,5
120	1018991	NGO THUY VAN	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	22	27	11	60
121	1019001	NGUYEN NGOC THU ANH	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	28	15	17	60
122	1016597	LE HOANG KIM ANH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	20	24	15	59
123	1018197	LE TRAM ANH	CO NHUE 2B PRIMARY SCHOOL	Vietnam	13	24	22	59
124	1018211	NGUYEN CHI KIEN	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	32	13,5	12	57,5
125	1019006	NGUYEN VU CAM TU	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	19	22,5	16	57,5
126	1053183	CAO VAN DAT	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	18	22,5	17	57,5
127	1018629	HOANG PHUONG KHANH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	18	24	15	57
128	1016951	NGUYEN BAO VAN	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	17	25,5	14	56,5
129	1016614	NGO HUY HOANG	THANG LONG HIGH SCHOOL	Vietnam	22	25,5	8	55,5
130	1019002	BUI TAN DUNG	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	20	19,5	16	55,5
131	1019690	NGUYEN TUAN PHONG	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	23	21	11	55
132	1019008	TRINH DUC MINH	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	16	22,5	16	54,5
133	1019012	LE MINH TUAN	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	17	16,5	21	54,5
134	1018541	NGUYEN NGOC HAN	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	17	24	13	54
135	1018292	NGUYEN BAO LINH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	23	19,5	10	52,5
136	1017300	NGUYEN NGOC HA MY	WESTERN HANOI SCHOOL	Vietnam	15	25,5	11	51,5
137	1018369	VU KHANH HA	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Vietnam	15	22,5	14	51,5
138	1018291	NGUYEN PHUONG NGA	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	18	19,5	13	50,5
139	1018290	NGUYEN THE HUNG	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	19	24	7	50
140	1018992	TA PHUONG NGA	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	10	16,5	22	48,5
141	1019010	PHAM HOANG DUONG	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	16	18	13	47
142	1019011	NGUYEN QUANG ANH	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	16	19,5	11	46,5
143	1019007	LE THUY DUNG	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	16	15	14	45
144	1018626	TRAN XUAN BACH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	12	24	8	44
145	1018994	HOANG DIEU LINH	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	12	12	20	44
146	1016829	HOANG VAN ANH	LY THAI TO HIGH SCHOOL	Vietnam	7	25,5	8	40,5
147	1018995	HOANG THI KIM HAO	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	19	13,5	7	39,5

148	1019000	NGUYEN HOANG KHANH	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	14	13,5	12	39,5
149	1018997	PHAN HUYEN ANH	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	12	12	8	32
150	1019004	DO HUU THANH	TRI DUC HIGH SCHOOL	Vietnam	12	10,5	7	29,5
151	1053186	QUACH GIA PHONG	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	0	0	0	0